

Bản án số: 1009/2023/HS-PT
Ngày: 27 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mươi

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Minh Thịnh

Ông Chung Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 316/2023/TLPT-HS ngày 08 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Ngô Hồng N và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2023/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh **Bến T**.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. **Ngô Hồng N**, sinh năm 1983 tại tỉnh **Bến T**; nơi cư trú: ấp Phước Trung, xã Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh **Bến T**; nghề nghiệp: Bác sĩ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Thanh và bà Ngô Thị Dân; vợ: Trương Ngọc Dung; con: có 01 người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

2. **Phan Thị Diễm N**, sinh năm 1985 tại tỉnh **Bến T**; nơi cư trú: ấp Long Hiệp, xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh **Bến T**; nghề nghiệp: Bác sĩ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Thôi và bà Nguyễn Thị Ráp; chồng: Phạm Văn Tranh; con: có 01 người con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

3. **Trần Thị Cẩm H**, sinh năm 1984 tại tỉnh **Bến T**; nơi cư trú: số 48/1, ấp Giao Hòa A, xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh **Bến T**; nghề nghiệp: Bác sĩ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Công và bà Trần Thị Năm; chồng: Nguyễn Hùng Cường (đã ly hôn); con: có 01 người con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

4. **Ngô Văn D**, sinh năm 1972 tại tỉnh **Bến T**; nơi cư trú: số 127C, Ấp 2B, xã Nhơn Thạnh, thành phố **Bến T**, tỉnh **Bến T**; nghề nghiệp: Bác sĩ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Mạnh và bà Đoàn Thị Chuân; vợ: Thạch Thị Tuyết Hương; con: có 01 người con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

5. **Trần Thị Kim P**, sinh năm 1979 tại tỉnh **Bến T**; nơi cư trú: Số 172, đường Nguyễn Huệ, Khu phố 3, phường An Hội, thành phố **Bến T**; chỗ ở hiện nay: số 44/D3, ấp Phú Chiên, xã Phú Hưng, thành phố **Bến T**, tỉnh **Bến T**; nghề nghiệp: Dược sĩ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Hiếu và bà Lê Thị Huỳnh; chồng: Nguyễn Văn Dân; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

6. **Võ Văn P**, sinh năm 1984 tại tỉnh **Bến T**; nơi cư trú: ấp Thanh Đông, xã Tân Thanh Tây, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh **Bến T**; nghề nghiệp: Bác sĩ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Sáu và bà Đinh Thị Bảnh; vợ: Lê Thị Hồng; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

7. **Võ Văn Thanh T**, sinh năm 1985 tại tỉnh **Bến T**; nơi cư trú: số 126/53, ấp Phú Quới, xã Vĩnh Hòa, huyện Chợ Lách, tỉnh **Bến T**; nghề nghiệp: Bác sĩ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Thái và bà Trần Thị Gấm; vợ: Nguyễn Hồng Yén (đã ly hôn); con: có 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

8. **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1985 tại tỉnh **Bến T**; nơi cư trú: số 136B, ấp Bình Thành, xã Bình Phú, thành phố **Bến T**, tỉnh **Bến T**; nghề nghiệp: Bác sĩ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Năm và bà Hà Thị Thu; chồng: Nguyễn Quang Vũ; con: có 01 người con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

9. **Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1984 tại tỉnh **Bến T**; nơi cư trú: số 76/3, ấp An Hội B, xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh **Bến T**; nghề nghiệp: Bác sĩ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Nghi và bà Lê Thị Kim Dung; vợ: Nguyễn Thị Bé Tư (đã có bản án không công nhận vợ chồng); con: có 01 người con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

10. **Lê Thị Quyền T**, sinh năm 1993 tại tỉnh **Bến T**; nơi cư trú: ấp Tân Hưng, xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh **Bến T**; nghề nghiệp: Y sĩ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Hạnh và bà Dương Thị Đẹp; chồng: Huỳnh Văn Lắm; con: có 01 người con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

11. **Dương Mỹ P**, sinh năm 1993 tại tỉnh **Bến T**; nơi cư trú: số 148/89, ấp Phụng Châu, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh **Bến T**; nghề nghiệp: Điều dưỡng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Tấn Vinh và bà Nguyễn Thanh Phương; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

12. **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1975 tại tỉnh **Bến T**; nơi cư trú: số 863/1, Ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố **Bến T**, tỉnh **Bến T**; nghề nghiệp: Bác sĩ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Xinh và bà Phạm Thị Vân; chồng: Đoàn Việt Hải (đã ly hôn); con: có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

13. **Phạm Thị Xuân Y**, sinh năm 1987 tại tỉnh **Bến T**; nơi cư trú: số 229B, đường Trương Định, Phường 6, thành phố **Bến T**, tỉnh **Bến T**; nghề nghiệp: Dược sĩ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Hiếu và bà Huỳnh Thị Trắng; chồng: Nguyễn Văn Trung; con: có 01 người con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

14. **Trần Thị Cẩm T**, sinh năm 1996 tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: Ấp 1, xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, tỉnh **Bến T**; nghề nghiệp: Y sĩ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh Nam và bà Võ Thị Thúy; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

15. **Lê Thị Ly L**, sinh năm 1994 tại tỉnh **Bến T**; nơi cư trú: số 784C, ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố **Bến T**, tỉnh **Bến T**; nghề nghiệp: Y sĩ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà Lê Thị Lâm; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

** Người bào chữa:*

- *Người bào chữa cho bị cáo Ngô Hồng N, Võ Văn P, Ngô Văn D:* Ông Lê Thành Tâm (có mặt) và bà Võ Thị Mỹ Huyền (vắng mặt), luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn Thanh T, Dương Mỹ P:* Ông Lê Văn Ly, luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh **Bến T**; (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M:* Bà Nguyễn Thị Thúy, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị Diễm N, Lê Thị Quyền T:* Ông Phạm Văn Tình, luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh; (có mặt)

** Vụ án còn có 32 bị cáo khác, 20 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trong quá trình điều tra vụ án hình sự Dương Hữu Hưng và Dương Văn Lạng cùng các đồng phạm, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội: “Giả mạo trong công tác” và tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” xảy ra tại tỉnh Hưng Yên, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đã thu giữ được tài liệu liên quan đến thông tin của nhiều người đặt mua các chứng chỉ tiếng Anh và tin học có

địa chỉ tại tỉnh **Bến T** nên đã chuyển toàn bộ hồ sơ của những người này đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh **Bến T** tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền.

Theo kết quả điều tra của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hưng Yên, Dương Hữu Hưng và Dương Văn Lạng đăng trên mạng xã hội zalo, facebook quảng cáo có nội dung nhận làm văn bằng, chứng chỉ, giấy phép lái xe. Người có nhu cầu mua các tài liệu giả liên lạc với Hưng, Lạng rồi cung cấp thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ và loại tài liệu giả cần mua bằng cách nhắn tin qua ứng dụng zalo trên điện thoại di động (Hưng sử dụng 02 số điện thoại là 0935.801.858 và 0938.691.663, tài khoản zalo tên “Hòa Phát” và “Đức Hải”; Lạng sử dụng 02 số điện thoại là 0934.494.197 và 0936.119.438, tài khoản zalo tên “Quốc Huy”). Sau khi làm ra tài liệu giả, Hưng và Lạng gửi cho người mua thông qua các đơn vị cung cấp dịch vụ chuyển phát hàng hóa (Hưng sử dụng thông tin người gửi là: Lê Hòa Phát, địa chỉ: số 179/18 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Lạng sử dụng thông tin người gửi là: Đỗ Đức Phúc hoặc Dương Hoàng Huy địa chỉ: số 81/15 TX43, phường Thạch Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh); người mua khi nhận được tài liệu giả thì trả tiền cho Hưng và Lạng bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản (Hưng sử dụng tài khoản số: 19032960370015, tên tài khoản: Nguyễn Đức Hải mở tại Ngân hàng Techcombank; Lạng sử dụng tài khoản số: 089704070005110, tên tài khoản: Dương Hoàng Huy mở tại Ngân hàng HD Bank để nhận tiền từ người mua tài liệu giả) hoặc trả cho nhân viên chuyển phát thu hộ.

Qua điều tra, Cơ quan điều tra Công an tỉnh **Bến T** xác định nhiều người trên địa bàn tỉnh **Bến T** đã có hành vi mua, mua hộ và sử dụng các tài liệu giả đã mua từ Hưng và Lạng. Trong đó, bị cáo Ngô Hồng N đã mua chứng chỉ giả cho bản thân để sử dụng và mua hộ chứng chỉ giả cho nhiều người khác. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh **Bến T** đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với 49 người về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Cụ thể hành vi của 49 bị cáo như sau:

1. Hành vi của bị cáo Ngô Hồng N:

Vào năm 2016, do cần có Chứng chỉ Tiếng Anh B1 để sử dụng, Ngô Hồng N đã sử dụng tài khoản facebook tên “Nam Ngo Hong” truy cập vào mạng xã hội facebook thấy có trang quảng cáo do Dương Văn Lạng đăng lên với nội dung làm văn bằng, chứng chỉ đảm bảo chất lượng (Lạng có để lại số điện thoại 0934.494.197 để khách hàng liên hệ), nên Nam sử dụng tài khoản zalo tên “Ngô Hồng N” được đăng ký bởi số điện thoại 0978.376.217 kết bạn với số điện thoại 0934.494.197 để liên hệ, trao đổi. Sau khi trao đổi với Dương Văn Lạng (lúc này Lạng giới thiệu tên là Đỗ Đức Phúc) thì Nam đã cung cấp thông tin cho Lạng để đặt làm 01 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi cho bản thân với giá tiền 1.200.000 đồng.

Ngoài ra, sau khi mua được Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả cho bản thân, trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến khoảng tháng 3/2020, nhiều người là bạn bè, đồng nghiệp của Nam biết Nam mua được chứng chỉ tiếng Anh, tin học mà không phải thi nên đã nhờ Nam mua chứng chỉ cho họ và những người bạn của họ; khi được người khác nhờ mua chứng chỉ thì Nam cũng liên hệ Dương Văn Lạng để cung cấp thông tin mua Chứng chỉ tiếng Anh, tin học giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ

Chí Minh cấp cho những người này. Kết quả điều tra xác định Nam đã mua 61 chứng chỉ tiếng Anh, tin học giả cho nhiều người khác gồm: Phan Thị Diễm N và nhiều người khác do Nghi nhờ mua, Ngô Văn D và nhiều người khác do Dậy nhờ mua, Nguyễn Hoàng V và nhiều người khác do Vũ nhờ mua, Võ Văn P và nhiều người khác do Phúc nhờ mua, nhiều người khác do Nguyễn Thị Thu Hà nhờ mua, Đoàn Thị Hạ Vy, Văn Công Hùng và Ngô Văn Dừa.

Về giá tiền mua bán chứng chỉ giả, Ngô Hồng N trình bày: giá bán chứng chỉ giả do Dương Văn Lạng đưa ra, có nhiều mức giá tùy vào từng thời điểm mua bán; giá bán 01 chứng chỉ giả (không phân biệt loại chứng chỉ và trình độ) mà Lạng đưa ra là dao động từ 900.000 đồng đến 2.500.000 đồng. Khi có người nhờ mua chứng chỉ giả thì Nam liên hệ trước với Lạng để hỏi giá tiền, rồi Nam thông báo và thu tiền từ người nhờ mua đúng với giá tiền mà Lạng thông báo; riêng lần đặt mua 07 Chứng chỉ tiếng Anh giả cho người khác do Võ Văn P nhờ mua thì Lạng đưa ra giá tiền là 900.000 đồng/01 chứng chỉ nhưng Nam thông báo và thu tiền từ Phúc là 1.600.000 đồng/01 chứng chỉ để hưởng chênh lệch 700.000 đồng/01 chứng chỉ. Ngoài ra, trong quá trình đặt mua chứng chỉ giả từ Lạng thì Lạng có chủ động gợi ý cho Nam hưởng huê hồng số tiền 200.000 đồng/01 chứng chỉ nếu Nam đặt mua từ 02 đến 03 chứng chỉ trở lên trong 1 lần mua; Nam đã được Lạng cho hưởng tiền huê hồng nhiều lần. Tổng cộng, Nam đã thu lợi bất chính số tiền là 9.700.000 đồng (trong đó, Nam tự ý nâng giá thu tiền của người nhờ mua chứng chỉ giả cao hơn giá tiền Lạng đưa ra là số tiền 4.900.000 đồng và Lạng cho Nam hưởng huê hồng số tiền là 4.800.000 đồng), số tiền này Nam đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Về Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả mua cho bản thân, vào năm 2019, bị cáo Nam phô tô chứng thực chứng chỉ giả này nộp cho Trung tâm Y tế thành phố **Bến T** để xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III, kết quả xét không đạt do năm 2018 xếp loại hoàn thành nhiệm vụ; đến năm 2020, bị cáo Nam tiếp tục phô tô chứng thực chứng chỉ giả này nộp cho Trung tâm Y tế thành phố **Bến T** để đề nghị bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng Trạm Y tế Phường 8, kết quả: bị cáo Nam đã được bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng Trạm Y tế Phường 8 (theo Quyết định số 26/QĐ-TTYT ngày 05/02/2021 của Trung tâm Y tế thành phố **Bến T** về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý).

2. Hành vi của bị cáo Phan Thị Diễm N:

Vào năm 2016, do cần có Chứng chỉ tiếng Anh B1 để sử dụng, Phan Thị Diễm N đã cung cấp thông tin cá nhân cho Ngô Hồng N là bạn đồng nghiệp với Nghi để mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi với giá tiền 1.200.000 đồng. Sau khi mua được chứng chỉ giả cho bản thân, trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2020, có nhiều người là bạn bè, đồng nghiệp biết Nghi mua được Chứng chỉ tiếng Anh, tin học mà không phải thi nên đã cung cấp thông tin cá nhân, đưa tiền cho Nghi nhờ mua chứng chỉ; Nghi cung cấp lại thông tin cá nhân của những người này và đưa tiền cho Ngô Hồng N để Nam mua chứng chỉ giả. Kết quả điều tra xác định Nghi đã mua 27 Chứng chỉ tiếng Anh, tin học giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi cho nhiều người khác, gồm: 04 chứng chỉ giả cho Nguyễn Thị Tuyết M và nhiều người khác do Minh nhờ mua, 09 chứng chỉ giả cho Trần Thị Cẩm H và nhiều người khác do Huỳnh nhờ mua, 04 chứng chỉ giả cho

người khác do Bùi Kim Oanh nhờ mua, 02 chứng chỉ giả cho Văn Thị Thu do Phạm Thị Xuân Y nhờ mua, 01 chứng chỉ giả cho Châu Trần Yến Xuân do Đỗ Thị Thu Thủy nhờ mua; 01 chứng chỉ giả cho Nguyễn Thị Thanh Xoàn do Nguyễn Thị Thu T nhờ mua, Lê Thị Thanh Hiền, Nguyễn Phạm Bảo Trân, Lê Thị Ly L, Nguyễn Cẩm Ngọc, Đào Thị Ngọc Minh và Bùi Thanh Phương mỗi người 01 chứng chỉ giả.

Về giá tiền mua bán chứng chỉ giả, Phan Thị Diễm N trình bày: Nghi thu tiền của người nhờ mua chứng chỉ giả đúng với giá tiền mà Ngô Hồng N thông báo, giá tiền dao động từ 1.200.000 đồng đến 2.500.000 đồng/01 chứng chỉ giả tùy từng thời điểm đặt mua chứng chỉ giả; việc giao nhận tiền mua chứng chỉ giả giữa các bên đều bằng tiền mặt, không có làm biên nhận, Nghi không có thu lợi từ việc mua tài liệu giả cho người khác.

Về Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả mua cho bản thân, vào năm 2019, Nghi đã phô tô chứng thực chứng chỉ giả này nộp cho Trung tâm Y tế thành phố **Bến T** để xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III, kết quả: Nghi đã được xét thăng hạng lên viên chức hạng III (theo Quyết định số 917/QĐ-SYT ngày 09/12/2019 của Sở Y tế tỉnh **Bến T** về việc bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp Bác sĩ hạng III).

3. Hành vi của bị cáo Võ Văn P:

Khoảng năm 2017, do cần có Chứng chỉ tiếng Anh B1 để sử dụng, Võ Văn P đã cung cấp thông tin cá nhân cho Ngô Hồng N là bạn đồng nghiệp với Phúc để mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi với giá 1.500.000 đồng. Sau khi mua được Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả, trong khoảng năm 2019, Võ Văn Thanh T là bạn đồng nghiệp với Phúc biết Phúc mua được Chứng chỉ tiếng Anh B1 mà không phải thi nên Thoảng đã cung cấp thông tin cá nhân và đưa tiền cho Phúc nhờ mua chứng chỉ tiếng Anh B1 cho nhiều người khác là bạn đồng nghiệp với Thoảng; Phúc đã cung cấp lại thông tin của những người này và đưa tiền cho Ngô Hồng N để Nam mua chứng chỉ giả. Võ Văn P đã mua 13 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi cho nhiều người khác do Võ Văn Thanh T nhờ mua.

Về giá tiền mua bán chứng chỉ giả, Võ Văn P trình bày: Phúc thu tiền của người nhờ mua chứng chỉ giả đúng với giá tiền mà Ngô Hồng N thông báo, giá tiền dao động từ 2.000.000 đồng đến 2.400.000 đồng/01 chứng chỉ giả, tùy vào từng thời điểm đặt mua chứng chỉ giả. Trong quá trình đặt mua 13 chứng chỉ giả cho người khác từ Nam thì Nam có chủ động gợi ý cho Phúc hưởng huê hồng 100.000 đồng/01 chứng chỉ, tổng cộng Nam đã cho Phúc hưởng huê hồng số tiền 1.300.000 đồng, Phúc đã sử dụng hết số tiền này vào mục đích cá nhân. Việc giao nhận tiền mua chứng chỉ giả giữa các bên đều bằng tiền mặt, không có làm biên nhận.

Về Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả mua cho bản thân, vào năm 2019, Võ Văn P đã phô tô chứng thực chứng chỉ giả này nộp cho Trung tâm Y tế huyện Mỏ Cày Bắc để xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III, kết quả: Phúc đã được xét thăng hạng lên viên chức hạng III (theo Quyết định số 1070/QĐ-SYT ngày 10/12/2019 của Sở Y tế tỉnh **Bến T** về việc bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp Bác sĩ hạng III).

4. Hành vi của bị cáo Võ Văn Thanh T:

Khoảng năm 2010, do cần có Chứng chỉ tiếng Anh B để sử dụng, Võ Văn Thanh T đã cung cấp thông tin cho Trương Thanh Long là bạn học với Thoảng để mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh B để Trường đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi với giá tiền 1.000.000 đồng. Ngoài ra, trong năm 2019, nhiều bạn bè đồng nghiệp biết Thoảng mua được Chứng chỉ tiếng Anh B1 mà không phải thi nên đã cung cấp thông tin và đưa tiền cho Thoảng để nhờ mua chứng chỉ; Thoảng đã cung cấp lại thông tin của những người này và đưa tiền cho Võ Văn P là bạn đồng nghiệp để Phúc mua chứng chỉ giả mà không phải thi. Thoảng đã mua 13 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả để Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho mà không phải thi cho nhiều người khác gồm: Trần Thị Thanh Truyền, Nguyễn Thị Anh Huyền, Dương Mỹ P, Lê Thị Ngọc Trâm (do Dương Mỹ P nhờ mua), Trần Thị Thanh Hương (do Dương Mỹ P nhờ mua), Trương Thị Kim Ngọc, Nguyễn Thị Bích Phụng, Nguyễn Nhật Trường, Tạ Thị Huệ Thư, Nguyễn Thị Vân Loan (do Tạ Thị Huệ Thư nhờ mua), Lê Hữu Khoa, Hồ Võ Vĩnh Thy (do Lê Hữu Khoa nhờ mua) và Tạ Trần Hữu Phong (do Phan Thị Đỗ Quyên nhờ mua), mỗi người 01 chứng chỉ giả.

Về giá tiền mua bán chứng chỉ giả, Võ Văn Thanh T trình bày: Thoảng thu tiền của người nhờ mua chứng chỉ giả đúng với giá tiền mà Võ Văn P thông báo, giá tiền dao động từ 2.000.000 đồng đến 2.400.000 đồng/01 chứng chỉ giả, tùy vào từng thời điểm đặt mua chứng chỉ giả; việc giao nhận tiền mua chứng chỉ giả giữa các bên đều bằng tiền mặt, không có làm biên nhận, Thoảng không có thu lợi từ việc mua tài liệu giả cho người khác.

Về Chứng chỉ tiếng Anh B giả mua cho bản thân, khoảng năm 2014, Thoảng đã phô tô nộp cho Trung tâm Y tế huyện Châu Thành để bổ sung hồ sơ viên chức; đến năm 2019, Thoảng tiếp tục phô tô chứng thực chứng chỉ giả này nộp cho Trung tâm Y tế huyện Châu Thành để xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III, kết quả: Thoảng đã được xét thăng hạng lên viên chức hạng III (theo Quyết định số 1199/QĐ-SYT ngày 17/12/2019 của Sở Y tế tỉnh **Bến T** về việc bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp Bác sĩ hạng III).

5. Hành vi của bị cáo Trần Thị Cẩm H:

Khoảng năm 2019, do cần có Chứng chỉ tiếng Anh B1 để nộp hồ sơ xét thăng hạng viên chức, Trần Thị Cẩm H đã cung cấp thông tin cá nhân cho Phan Thị Diễm N là bạn đồng nghiệp với Hường để mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả để Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi với giá tiền 2.500.000 đồng (Nghỉ mua chứng chỉ giả thông qua Ngô Hồng N). Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2020, có nhiều người là bạn bè, đồng nghiệp biết Hường mua được Chứng chỉ tiếng Anh mà không phải thi nên đã cung cấp thông tin cá nhân, đưa tiền cho Hường nhờ mua chứng chỉ; Hường cung cấp lại thông tin cá nhân của những người này và đưa tiền cho Phan Thị Diễm N để Nghỉ mua chứng chỉ giả. Hường đã mua 08 Chứng chỉ tiếng Anh giả để Trường đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi cho nhiều người khác, gồm: Lương Hoàng Duy, Nguyễn Văn Trường, Lê Hữu Thừa, Trương Văn Nhân, Dương Thị Muội, Nguyễn Kim Phụng, Huỳnh Hoài Hận và Phạm Thị Út Tất do Hận nhờ mua, mỗi người 01 chứng chỉ giả.

Về giá tiền mua bán chứng chỉ giả, Trần Thị Cẩm H trình bày: thu tiền của người nhờ mua chứng chỉ giả đúng với giá tiền mà Phan Thị Diễm N thông báo, giá tiền dao động từ 2.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng/01 chứng chỉ giả, tùy vào từng thời điểm đặt mua chứng chỉ giả; Hường trả tiền mua chứng chỉ giả cho Nghi bằng hình thức tiền mặt, không có làm biên nhận, Hường không có thu lợi từ việc mua tài liệu giả cho người khác.

Về Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả mua cho bản thân, vào năm 2019, Hường đã phô tô chứng thực chứng chỉ giả này nộp cho Trung tâm Y tế huyện Thanh Phú để làm hồ sơ xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III, kết quả: Hường đã được xét thăng hạng lên viên chức hạng III (theo Quyết định số 1146/QĐ-SYT ngày 12/12/2019 của Sở Y tế tỉnh **Bến T** về việc bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp Bác sĩ hạng III).

6. Hành vi của bị cáo Ngô Văn D:

Khoảng năm 2018, do cần có Chứng chỉ tiếng Anh B1 để sử dụng, Ngô Văn D đã cung cấp thông tin cá nhân và đưa tiền cho Ngô Hồng N là bạn đồng nghiệp với Dậy để mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi với giá tiền 2.000.000 đồng. Sau khi mua được Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả, trong khoảng thời gian năm 2018-2019, Trần Thị Kim P là bạn đồng nghiệp với Dậy biết Dậy mua được Chứng chỉ tiếng Anh mà không phải thi nên Phụng đã cung cấp thông tin cá nhân của Phụng, nhiều người khác và đưa tiền cho Dậy để mua chứng chỉ, Dậy thu tiền mua chứng chỉ cho Phụng và những người khác là 2.000.000 đồng/01 chứng chỉ; Dậy đã cung cấp lại thông tin của những người này và đưa tiền cho Ngô Hồng N để Nam mua chứng chỉ giả, với giá tiền 2.000.000 đồng/01 chứng chỉ giả. Ngô Văn D đã mua 07 Chứng chỉ tiếng Anh giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi cho Trần Thị Kim P và nhiều người khác do Phụng nhờ mua. Ngô Văn D không có thu lợi từ việc mua tài liệu giả cho người khác.

Về Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả mua cho bản thân, vào tháng 11/2019, Ngô Văn D đã phô tô chứng thực chứng chỉ giả này nộp cho Trung tâm Y tế thành phố **Bến T** để thi thăng hạng viên chức từ hạng III lên hạng II, kết quả: Dậy đã được thăng hạng lên viên chức hạng II (theo Quyết định số 36/QĐ-SNV ngày 06/01/2021 của Sở Nội vụ tỉnh **Bến T** về việc bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế).

7. Hành vi của bị cáo Trần Thị Kim P:

Khoảng năm 2018, do cần có Chứng chỉ tiếng Anh B1 để sử dụng, Trần Thị Kim P đã cung cấp thông tin cá nhân, đưa tiền cho Ngô Văn D là bạn đồng nghiệp với Phụng để mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi với giá tiền 2.000.000 đồng (Dậy mua chứng chỉ giả thông qua Ngô Hồng N). Sau khi mua được Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả, trong khoảng thời gian năm 2018-2019, có nhiều người là bạn với Phụng biết Phụng mua được Chứng chỉ tiếng Anh mà không phải thi nên họ đã cung cấp thông tin cá nhân và đưa tiền cho Phụng để nhờ mua Chứng chỉ tiếng Anh; Phụng cung cấp lại thông tin cá nhân của những người này và đưa tiền cho Ngô Văn D để Dậy mua

Chứng chỉ tiếng Anh giả. Phụng đã mua 06 Chứng chỉ tiếng Anh giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi cho nhiều người khác gồm: 01 chứng giả cho Phạm Thị Kim Ngân, 01 chứng chỉ giả cho Nguyễn Thị Thanh Hiền và 04 chứng chỉ giả cho người khác do Hiền nhờ mua.

Về giá tiền mua Chứng chỉ tiếng Anh giả: Ngô Văn D thu 2.000.000 đồng/01 chứng chỉ giả nhưng Phụng thu tiền của những người nhờ mua chứng chỉ giả nêu trên là 2.800.000 đồng/01 chứng chỉ giả để hưởng chênh lệch. Từ việc mua 06 chứng chỉ giả cho những người nêu trên, Phụng đã thu lợi bất chính số tiền là 4.800.000 đồng, số tiền này Phụng đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Về Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả mua cho bản thân, vào năm 2019, Trần Thị Kim P đã phô tô chứng thực chứng chỉ giả này nộp cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh **Bến T** để xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III, kết quả: Phụng đã được xét thăng hạng lên viên chức hạng III (theo Quyết định số 1011/QĐ-SYT ngày 10/12/2019 của Sở Y tế tỉnh **Bến T** về việc bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp Dược sĩ hạng III).

8. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M:

Khoảng năm 2017, do cần có Chứng chỉ tiếng Anh B1 để sử dụng, Nguyễn Thị Tuyết M đã cung cấp thông tin cá nhân cho Phan Thị Diễm N là bạn đồng nghiệp với Minh để mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi với giá tiền 1.200.000 đồng (Nghỉ mua chứng chỉ giả thông qua Ngô Hồng N). Sau khi mua được chứng chỉ giả cho bản thân, vào năm 2019, có nhiều người là bạn bè, đồng nghiệp biết Minh mua được Chứng chỉ tiếng Anh mà không phải thi nên đã cung cấp thông tin cá nhân, đưa tiền cho Minh nhờ mua chứng chỉ; Minh cung cấp lại thông tin cá nhân của những người này và đưa tiền cho Phan Thị Diễm N để Nghỉ mua chứng chỉ giả. Minh đã mua 03 Chứng chỉ tiếng Anh giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh mà không phải thi cho nhiều người khác, gồm: Lê Hùng Anh, Trần Văn Thi và Nguyễn Thị Minh Thơ mỗi người 01 chứng chỉ giả.

Về giá tiền mua bán chứng chỉ giả, Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Minh thu tiền của người nhờ mua chứng chỉ giả đúng với giá tiền mà Phan Thị Diễm N thông báo, giá tiền dao động từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng/01 chứng chỉ giả; việc giao nhận tiền mua chứng chỉ giả giữa các bên đều bằng tiền mặt, không có làm biên nhận, Minh không có thu lợi từ việc mua tài liệu giả cho người khác.

Về Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả mua cho bản thân, vào năm 2019, Minh đã phô tô chứng thực chứng chỉ giả này nộp cho Trung tâm Y tế huyện Châu Thành để xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III, kết quả: Minh đã được xét thăng hạng lên viên chức hạng III (theo Quyết định số 1192/QĐ-SYT ngày 17/12/2019 của Sở Y tế tỉnh **Bến T** về việc bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp Bác sĩ hạng III).

9. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng V:

Khoảng năm 2016, do cần có Chứng chỉ tiếng Anh B1 để sử dụng, Nguyễn Hoàng V cung cấp thông tin cá nhân và đưa tiền cho Ngô Hồng N là bạn đồng nghiệp

với Vũ để mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi với giá tiền 1.300.000 đồng. Sau khi mua được Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả, khoảng năm 2016 và năm 2020, Huỳnh Phạm Thanh Trang và Nguyễn Ngọc Nữ là bạn đồng nghiệp với Vũ, biết Vũ mua được Chứng chỉ tiếng Anh, Chứng chỉ tin học mà không phải thi nên họ đã cung cấp thông tin cá nhân và đưa tiền cho Vũ để nhờ mua chứng chỉ, cụ thể: vào khoảng năm 2016, Trang nhờ Vũ mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh B1 với giá tiền 1.300.000 đồng; năm 2020, Trang tiếp tục mua 01 Chứng chỉ tin học với giá tiền 2.000.000 đồng, Nữ nhờ Vũ mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh B1 với giá tiền 2.500.000 đồng và 01 Chứng chỉ tin học với giá tiền 2.000.000 đồng. Vũ cung cấp lại thông tin cá nhân của Trang, Nữ và đưa tiền cho Ngô Hồng N để Nam mua Chứng chỉ tiếng Anh, Chứng chỉ tin học giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi cho Trang và Nữ. Về giá tiền mua chứng chỉ giả cho Trang và Nữ thì Vũ trình bày: thu tiền mua chứng chỉ giả của Trang và Nữ đúng với giá tiền mà Ngô Hồng N yêu cầu, Vũ không có hưởng lợi tiền từ việc mua chứng chỉ giả cho Trang và Nữ.

Về Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả mua cho bản thân: vào năm 2019, Vũ phô tô chứng thực Chứng chỉ giả này nộp cho Trung tâm Y tế huyện Thanh Phú để xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III, kết quả xét không đạt do năm 2017 xếp loại hoàn thành nhiệm vụ.

10. Hành vi của bị cáo Lê Thị Quyền T:

Vào năm 2019, do cần có Chứng chỉ tiếng Anh B1 để nộp hồ sơ xét tuyển dụng viên chức, Lê Thị Quyền T đã cung cấp thông tin cá nhân, đưa tiền cho bạn là Bùi Kim Oanh để mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi với giá tiền 2.000.000 đồng (Oanh mua chứng chỉ giả thông qua Phan Thị Diễm N, Nghi mua chứng chỉ giả thông qua Ngô Hồng N). Sau khi mua được Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả, cũng trong năm 2019, một số bạn đồng nghiệp của Trang biết Trang mua được Chứng chỉ tiếng Anh, tin học mà không phải thi nên đã liên hệ cung cấp thông tin cá nhân của họ và đưa tiền cho Trang nhờ mua chứng chỉ; Trang đã liên hệ cung cấp lại thông tin của những người này và đưa tiền cho Bùi Kim Oanh để Oanh mua Chứng chỉ tiếng Anh B1, Chứng chỉ tin học giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi; giá tiền mà Trang đã trả cho Oanh để mua Chứng chỉ là 2.000.000 đồng/01 chứng chỉ, nhưng Trang đã thu của những người nhờ Trang mua chứng chỉ số tiền nhiều hơn để hưởng chênh lệch. Trang đã mua 03 chứng chỉ giả cho người khác gồm: Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên và Trần Thị Kiều Hoa mỗi người 01 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả, Trang đã hưởng lợi số tiền 5.200.000 đồng/01 Chứng chỉ giả mua cho Duyên và Hoa; 01 Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (Chứng chỉ tin học) giả cho Trần Thị Cẩm T, Trang hưởng lợi số tiền 3.000.000 đồng. Trang đã thu lợi bất chính tổng cộng số tiền 13.400.000 đồng, Trang đã sử dụng hết số tiền này vào mục đích cá nhân.

Về Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả mua cho bản thân, vào tháng 10/2019, Trang đã phô tô chứng thực chứng chỉ giả này nộp cho Trung tâm Y tế huyện Bình Đại để xét tuyển dụng viên chức, kết quả: Trang đã được tuyển dụng viên chức (theo Quyết định số 325/QĐ-TTYT ngày 25/02/2020 của Trung tâm Y tế huyện Bình Đại).

11. Hành vi của bị cáo Dương Mỹ P:

Vào năm 2019, do cần có Chứng chỉ tiếng Anh B1 để nộp hồ sơ xét tuyển dụng viên chức, Dương Mỹ P đã cung cấp thông tin cá nhân, đưa tiền cho Võ Văn Thanh T để mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi với giá tiền 2.400.000 đồng (Thoảng mua chứng chỉ giả thông qua Võ Văn P, Phúc mua chứng chỉ giả thông qua Ngô Hồng N). Sau khi mua được Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả cho bản thân, cũng trong năm 2019, Trần Thị Thanh Hương và Lê Thị Ngọc Trâm là bạn đồng nghiệp với Phúc biết Phúc mua được Chứng chỉ tiếng Anh B1 mà không phải thi nên Hương và Trâm đã cung cấp thông tin cá nhân và đưa tiền cho Phúc để mua Chứng chỉ tiếng Anh B1, mỗi người đưa cho Phúc số tiền 2.400.000 đồng; sau đó Phúc cung cấp lại thông tin cá nhân của hai người này và đưa tiền cho Võ Văn Thanh T để Thoảng mua 02 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi, với giá tiền 2.400.000 đồng/01 chứng chỉ giả.

Về Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả mua cho bản thân, vào năm 2020, Phúc đã phô tô chứng thực chứng chỉ giả này nộp cho Trung tâm Y tế huyện Châu Thành để xét tuyển dụng viên chức kết quả: Phúc đã được xét tuyển dụng viên chức (theo Quyết định số 209/QĐ-TTYT ngày 01/6/2020 của Trung tâm Y tế huyện Châu Thành về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức).

12. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thu T:

Khoảng năm 2019, do không có Chứng chỉ tiếng Anh B1 và Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (tin học) để dự thi thăng hạng viên chức, Nguyễn Thị Thu T truy cập vào mạng xã hội facebook thấy trang quảng cáo có nội dung làm văn bằng, chứng chỉ nên Thủy liên hệ, trao đổi với người đăng quảng cáo để đặt mua Chứng chỉ giả. Sau khi trao đổi, Thủy đã cung cấp thông tin cá nhân và đưa tiền cho người đăng quảng cáo để mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh B1 và 01 Chứng chỉ tin học giả đề Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi với giá tiền 2.000.000 đồng/01 một chứng chỉ giả (qua khám xét chỗ ở, nơi làm việc của bị cáo Dương Hữu Hưng và Dương Văn Lạng, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đã phát hiện, thu giữ tờ giấy A5 có ghi lại thông tin của Nguyễn Thị Thu T đã đặt mua Chứng chỉ tiếng Anh, Chứng chỉ tin học giả). Vào tháng 11/2019, Thủy đã phô tô chứng thực các chứng chỉ giả này nộp cho Trung tâm Y tế thành phố **Bến T** để thi thăng hạng viên chức từ hạng III lên hạng II, kết quả: Thủy đã được thăng hạng lên viên chức hạng II (theo Quyết định số 48/QĐ-SNV ngày 06/01/2021 của Sở Nội vụ tỉnh **Bến T** về việc bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế).

Ngoài ra, vào năm 2019, bạn của Thủy là Nguyễn Thị Thanh Xoàn cần có Chứng chỉ tiếng Anh B1 để sử dụng nên Xoàn đã nhờ Thủy mua; Thủy đã cung cấp thông tin cá nhân của Xoàn và đưa tiền cho Phan Thị Diễm N là bạn đồng nghiệp với Thủy để 01 mua Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi cho Xoàn với giá tiền 2.000.000 đồng (Nghỉ mua chứng chỉ giả thông qua Ngô Hồng N).

13. Hành vi của bị cáo Phạm Thị Xuân Y:

Phạm Thị Xuân Y với Văn Thị Thu là bạn đồng nghiệp. Vào năm 2020, Thu cần có chứng chỉ tiếng Anh, chứng chỉ tin học để sử dụng nên nhờ Yên mua dùm; Yên biết Phan Thị Diễm N là bạn đồng nghiệp với Yên mua được chứng chỉ tiếng Anh, chứng chỉ tin học mà không phải thi nên Yên nói Thu cung cấp thông tin cá nhân và đưa cho Yên số tiền 4.000.000 đồng để Yên mua chứng chỉ. Sau khi nhận thông tin cá nhân và tiền của Thu thì Yên đưa lại cho Nghi để mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh và 01 Chứng chỉ Tin học giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi với giá tiền 2.000.000 đồng/01 chứng chỉ giả (Nghi mua chứng chỉ giả thông qua Ngô Hồng N).

14. Hành vi của bị cáo Trần Thị Cẩm T:

Vào năm 2019, do cần có Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (Chứng chỉ tin học) để nộp hồ sơ xét tuyển dụng viên chức, Trần Thị Cẩm T đã cung cấp thông tin cá nhân và đưa tiền cho Lê Thị Quyền T là bạn đồng nghiệp với Tú để mua 01 Chứng chỉ tin học giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi với giá tiền 5.000.000 đồng (Trang mua chứng chỉ giả thông qua Bùi Kim Oanh, Oanh mua chứng chỉ giả thông qua Phan Thị Diễm N, Nghi mua chứng chỉ giả thông qua Ngô Hồng N). Sau khi mua được Chứng chỉ tin học giả, đến tháng 12/2019, Tú đã phô tô chứng thực chứng chỉ giả này nộp cho Trung tâm Y tế huyện Bình Đại để xét tuyển dụng viên chức, kết quả: Tú đã được tuyển dụng viên chức (theo Quyết định số 250/QĐ-TTYT ngày 25/02/2020 của Trung tâm Y tế huyện Bình Đại).

15. Hành vi của bị cáo Lê Thị Ly L:

Vào năm 2019, do cần có Chứng chỉ tiếng Anh B1 để nộp hồ sơ xét tuyển dụng viên chức, Lê Thị Ly L đã cung cấp thông tin cá nhân và đưa tiền cho Phan Thị Diễm N là bạn đồng nghiệp với Ly để mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả đề Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp mà không phải thi với giá tiền 2.000.000 đồng (Nghi mua chứng chỉ giả thông qua Ngô Hồng N). Sau khi mua được Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả, cũng trong năm 2019, Ly đã phô tô chứng thực chứng chỉ giả này nộp cho Trung tâm Y tế thành phố **Bến T** để xét tuyển dụng viên chức, kết quả: Ly đã được xét tuyển dụng viên chức (theo Quyết định số 236/QĐ-TTYT ngày 01/11/2019 của Trung tâm Y tế thành phố **Bến T** về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức).

* Vật chứng thu giữ và kết luận giám định:

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu vàng, IMEI: 359051/09/747770/7, IMEI: 359052/09/747770/5, điện thoại đã qua sử dụng, có gắn kèm 01 (một) thẻ nhớ hiệu SanDisk 8GB, không có gắn thẻ sim (do bị cáo Ngô Hồng N tự nguyện giao nộp). Điện thoại này do bị cáo Ngô Hồng N làm chủ sở hữu, bị cáo đã sử dụng điện thoại này làm phương tiện liên lạc, trao đổi để mua chứng chỉ giả cho người khác. Tại Bản kết luận giám định số 2180/C09B ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với dữ liệu điện tử trong 01 điện thoại di động do bị cáo Ngô Hồng N tự nguyện giao nộp, kết luận: phục hồi, trích xuất toàn bộ dữ liệu bộ nhớ điện thoại (tập tin âm thanh, hình ảnh, video...), dữ liệu cuộc gọi và tin nhắn văn bản (SMS) và trích xuất toàn bộ tin nhắn trong ứng

dùng Zalo (trong đó có tin nhắn với tên người dùng “Hongnam”), tin nhắn trong ứng dụng Facebook Messenger (trong đó có tin nhắn với tên người dùng “Nam Ngo Hong”) lưu trong điện thoại gửi giám định. Chi tiết dữ liệu phục hồi, trích xuất được lưu trong 01 thiết bị lưu trữ (USB) kèm theo Kết luận giám định nêu trên.

Tại Biên bản làm việc với bị cáo Ngô Hồng N vào ngày 18/11/2021 về việc kiểm tra dữ liệu phục hồi, trích xuất được lưu trong USB nêu trên xác định: điện thoại di động mà bị cáo Nam giao nộp có lưu trữ dữ liệu liên quan đến việc đặt mua chứng chỉ giả như số điện thoại 0934.494.197 là số điện thoại của bị cáo Dương Văn Lạng là người mà bị cáo Nam đã liên hệ đặt mua chứng chỉ giả, những đoạn tin nhắn có nội dung liên quan việc mua chứng chỉ giả giữa bị cáo Nam với những người nhờ bị cáo mua chứng chỉ giả.

- Đã thu giữ được 73 Chứng chỉ tiếng Anh và Chứng chỉ tin học giả, 06 Bằng tốt nghiệp Đại học và Cao đẳng giả, 01 Giấy phép lái xe hạng C giả (do các bị cáo và người liên quan trong vụ án giao nộp); các trường hợp còn lại thì người mua trình bày sau khi mua văn bằng, chứng chỉ đã làm mất hoặc tự tiêu hủy nên không thu giữ được. Qua giám định xác định các Chứng chỉ, văn bằng và giấy phép lái xe đã thu giữ đều là giả, kết luận giám định cụ thể:

** Bản kết luận giám định số 186/2021/GĐTL ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh **Bến Tre** đối với 25 chứng chỉ nghi giả thu giữ được trong vụ án, kết luận:*

+ Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO*TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HỒ CHÍ MINH” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A20, A22, A24 và A25) nêu tại mục II.1 so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M2 đến M5) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

+ Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO*TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HỒ CHÍ MINH” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A21 và A23) nêu tại mục II.1 được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

+ Chữ ký mang tên PGS.TS. Huỳnh Văn Sơn dưới mục “PHÓ HIỆU TRƯỞNG” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A20) nêu tại mục II.1 so với chữ ký của GS.TS. Huỳnh Văn Sơn trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Minh Hồng dưới mục “HIỆU TRƯỞNG” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A21) nêu tại mục II.1 so với chữ ký của TS. Nguyễn Thị Minh Hồng trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên PGS.TS. Nguyễn Kim Hồng dưới mục “HIỆU TRƯỞNG” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A22 đến A25) nêu tại mục II.1 so với chữ ký của PGS.TS. Nguyễn Kim Hồng trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M2, M3) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một người ký ra.

- Bản kết luận giám định số 307/2021/GĐTL ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh **Bến Tre** đối với 44 văn bằng, chứng chỉ và giấy phép lái xe nghi giả thu giữ được trong vụ án, kết luận:

+ Hình dấu tròn, màu đỏ có nội dung “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH” trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A37) nêu tại mục II.1 so với hình dấu tròn, màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu từ M2 đến M5) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký mang tên PGS.TS. Nguyễn Kim Hồng dưới mục “HIỆU TRƯỞNG” trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A3) nêu tại mục II.1 so với chữ ký của PGS.TS. Nguyễn Kim Hồng trên tài liệu mẫu (ký hiệu M2, M3) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Minh Hồng dưới mục “HIỆU TRƯỞNG” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A4) nêu tại mục II.1 so với chữ ký của TS. Nguyễn Thị Minh Hồng trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên PGS.TS. Huỳnh Văn Sơn dưới mục “PHÓ HIỆU TRƯỞNG” trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A5 đến A37) nêu tại mục II.1 so với chữ ký của GS.TS Huỳnh Văn Sơn trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn, màu đỏ có nội dung “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A38) nêu tại mục II.1 so với hình dấu tròn, màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu M6) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký mang tên PGS.TS. Đỗ Văn Dũng trên mẫu cần giám định (ký hiệu A38) nêu tại mục II.1 so với chữ ký của ông Đỗ Văn Dũng - Hiệu trưởng trên tài liệu mẫu (ký hiệu M6) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn, màu đỏ có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG - TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A39) nêu tại mục II.1 so với hình dấu tròn, màu đỏ có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M7 đến M9) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký mang tên PGS.TS. Võ Ngọc Hà trên mẫu cần giám định (ký hiệu A39) nêu tại mục II.1 so với chữ ký của Võ Ngọc Hà - Hiệu trưởng trên tài liệu mẫu (ký hiệu từ M7 đến M9) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một người ký ra. Mẫu phôi cần giám định (ký hiệu A39) so với mẫu phôi trên tài liệu mẫu (ký hiệu M10) có cùng phương pháp in. Mẫu phôi cần giám định (ký hiệu A39) được in bằng phương pháp in offset.

+ Hình dấu tròn, màu đỏ có nội dung “BỘ CÔNG THƯƠNG -TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A40) nêu tại mục II.1 so với hình dấu tròn, màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu từ M11 đến M13) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký mang tên Bùi Mạnh Tuân trên mẫu cần giám định (ký hiệu A40) nêu

tại mục II.1 so với chữ ký của Bùi Mạnh Tuấn - Hiệu trưởng trên tài liệu mẫu (ký hiệu từ M11 đến M13) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn, màu đỏ có nội dung “BỘ CÔNG THƯƠNG -TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A41) nêu tại mục II.1 so với hình dấu tròn, màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu từ M14 đến M16) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký mang tên PGS.TS Lê Văn Tấn trên mẫu cần giám định (ký hiệu A41) nêu tại mục II.1 so với chữ ký của PGS TS. Lê Văn Tấn - Phó Hiệu trưởng trên tài liệu mẫu (ký hiệu từ M14 đến M16) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn, màu đỏ có nội dung “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁCH VIỆT” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A42) nêu tại mục II.1 so với hình dấu tròn, màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu từ M17 đến M20) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký mang tên TS. Bùi Hữu Dũng trên mẫu cần giám định (ký hiệu A42) nêu tại mục II.1 so với chữ ký của Ths. Bùi Hữu Dũng - Hiệu trưởng trên tài liệu mẫu (ký hiệu từ M17 đến M20) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một người ký ra. Mẫu phôi cần giám định (ký hiệu A42) so với mẫu phôi trên tài liệu mẫu (ký hiệu M21) có cùng phương pháp in. Mẫu phôi cần giám định (ký hiệu A42) được in bằng phương pháp in offset.

+ Hình dấu tròn, màu đỏ có nội dung “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A43) nêu tại mục II.1 so với hình dấu tròn, màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu từ M22 đến M24) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký mang tên PGS.TSKH. Hồ Đắc Lộc trên mẫu cần giám định (ký hiệu A43) nêu tại mục II.1 so với chữ ký của PGS.TSKH. Hồ Đắc Lộc - Hiệu trưởng trên tài liệu mẫu (ký hiệu từ M22 đến M24) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một người ký ra.

+ Giấy phép lái xe, hạng: C, số 790189010209, họ tên: Nguyễn Thanh Tuấn, ngày sinh: 25/05/1996, nơi cư trú: 76/TA, X. Tân Xuân, H. Ba Tri, T. **Bến T**, đề ngày cấp: 19/07/2018 (ký hiệu A44) là giấy giả. Phôi được làm giả bằng phương pháp in offset.

** Bản kết luận giám định số 353/2022/KL-KTHS ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh **Bến T** đối với 09 chứng chỉ nghi giả thu giữ được trong vụ án, kết luận:*

+ Chữ ký mang tên Bạch Văn Hợp trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) nêu tại mục II.1 so với chữ ký mang tên Bạch Văn Hợp trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M6, M7) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Kim Hồng trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3, A4, A6, A7) nêu tại mục II.1 so với chữ ký mang tên Nguyễn Kim Hồng trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2, M3) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Kim Hồng trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A5) nêu tại mục II.1 được làm giả bằng phương pháp in lưới (lụa).

+ Chữ ký mang tên Huỳnh Văn Sơn trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A8, A9) nêu tại mục II.1 so với chữ ký mang tên Huỳnh Văn Sơn trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn có nội dung “Bộ Giáo dục và Đào tạo - Trường Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A9) nêu tại mục II.1 là hình dấu giả (từ A1 đến A4 được làm giả bằng phương pháp in phun màu; từ A5 đến A9 được làm giả bằng phương pháp in lưới (lụa).

Ngoài ra, các bị cáo tự nguyện giao nộp tổng cộng số tiền: 30.200.000 đồng là tiền thu lợi bất chính, trong đó: bị cáo Ngô Hồng N giao nộp số tiền 9.700.000 đồng, bị cáo Lê Thị Quyền T giao nộp số tiền 13.400.000 đồng, bị cáo Trần Thị Kim P giao nộp số tiền 4.800.000 đồng, bị cáo Võ Văn P giao nộp số tiền 1.300.000 đồng và bị cáo Đỗ Thị Thu Thủy giao nộp số tiền 1.000.000 đồng.

** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2023/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh **Bến T**, quyết định:*

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Hồng N, Phan Thị Diễm N, Võ Văn P, Võ Văn Thanh T, Trần Thị Cẩm H, Ngô Văn D, Trần Thị Kim P, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Hoàng V, Lê Thị Quyền T, Dương Mỹ P, Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên, Nguyễn Thị Thu T, Lê Hữu Khoa phạm “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

1.1 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Ngô Hồng N 03 (ba)** năm **03 (ba)** tháng tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Ngô Hồng N 2 (hai)** năm tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Ngô Hồng N** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **5 (năm)** năm **03 (ba)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 35; khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo **Ngô Hồng N** 10.000.000 (mười triệu) đồng, để nộp vào ngân sách nhà nước.

1.2 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm n, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Phan Thị Diễm N 03 (ba)** năm tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm n, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Phan Thị Diễm N 06 (sáu)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Phan Thị Diễm N** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **3 (ba)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.3 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Võ Văn P 01 (một)** năm **09 (chín)** tháng tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Võ Văn P 03 (ba)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Võ Văn P** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **02 (hai)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 35; khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo **Võ Văn P 5.000.000** (năm triệu) đồng, để nộp vào ngân sách nhà nước.

1.4 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Võ Văn Thanh T 01 (một)** năm **09 (chín)** tháng tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Võ Văn Thanh T 03 (ba)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Võ Văn Thanh T** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **02 (hai)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.5 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Trần Thị Cẩm H 03 (ba)** năm tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Trần Thị Cẩm H 06 (sáu)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Trần Thị Cẩm H** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **03 (ba)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.6 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Ngô Văn D 01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Ngô Văn D 03 (ba)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Ngô Văn D** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.7 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Trần Thị Kim P 01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Trần Thị Kim P 03 (ba)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Trần Thị Kim P** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 35; khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo **Trần Thị Kim P** 5.000.000 (năm triệu) đồng, để nộp vào ngân sách nhà nước.

1.8 Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Tuyết M 09 (chín)** tháng tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Tuyết M 03 (ba)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Nguyễn Thị Tuyết M** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **01 (một)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.9 Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng V 01 (một)** năm tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng V 03 (ba)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Nguyễn Hoàng V** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.10 Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Lê Thị Quyền T 02 (hai)** năm tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Lê Thị Quyền T 06 (sáu)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Lê Thị Quyền T** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 35; khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo **Lê Thị Quyền T** 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, để nộp vào ngân sách nhà nước.

1.11 Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Dương Mỹ P 09 (chín)** tháng tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Dương Mỹ P 03 (ba)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Dương Mỹ P** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **01 (một)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.12 Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu T 01 (một)** năm cải tạo không giam giữ về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu T 06 (sáu)** tháng cải tạo không giam giữ về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Nguyễn Thị Thu T** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Sơn Đông, thành phố **Bến T**, tỉnh **Bến T** giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

2. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Xuân Y phạm “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Xuân Y 02 (hai)** năm tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là **04 (bốn)** năm tù, tính từ ngày tuyên án là ngày 23/3/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố **Bến T**, tỉnh **Bến T** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

3. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Ly L; Trần Thị Cẩm T phạm “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

3.1 Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Lê Thị Ly L 09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ; Thời hạn tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng, thành phố **Bến T**, tỉnh **Bến T** giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

3.2 Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Trần Thị Cẩm T 09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ; Thời hạn tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, tỉnh **Bến T** giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

* *Bản án sơ thẩm còn quyết định án treo cho các bị cáo:* Bùi Kim Oanh 02 (hai) năm tù; Nguyễn Thị Thu Hà 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; Nguyễn Thị Thanh Hiền 01 (một) năm tù; Phan Thị Trúc Ly 02 (hai) năm tù

* *Bản án sơ thẩm còn quyết định cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo:*

Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, Lê Hữu Khoa 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, Đỗ Thị Thu Thủy 01 (một) năm, Huỳnh Hoài Hận 01 (một) năm, Nguyễn Thị Mỹ Thiện 01 (một) năm, Phan Thị Đỗ Quyên 09 (chín) tháng, Tạ Thị Huệ Thư 09 (chín) tháng, Tô Hữu Tâm 02 (hai) năm, Phạm Thị Kim Ngân 09 (chín) tháng, Lê Thị Ngọc Trâm 09 (chín) tháng, Nguyễn Nhựt Trường 09 (chín) tháng,

Nguyễn Thị Anh Huyền 09 (chín) tháng, Nguyễn Thị Bích Phụng 09 (chín) tháng, Nguyễn Thị Minh Thơ 09 (chín) tháng, Trần Văn Thi 09 (chín) tháng, Trần Thị Thanh Hương 09 (chín) tháng, Trần Thị Thanh Truyền 09 (chín) tháng, Trương Thị Kim Ngọc 09 (chín) tháng, Tạ Trần Hữu Phong 09 (chín) tháng, Châu Trần Yên Xuân 09 (chín) tháng, Đoàn Thị Hạ Vy 09 (chín) tháng, Trần Thị Mỹ Duyên 09 (chín) tháng, Nguyễn Phạm Bảo Trân 09 (chín) tháng, Lê Văn Hên 09 (chín) tháng, Lương Hoàng Duy 09 (chín) tháng, Lê Hữu Thừa 09 (chín) tháng, Trương Văn Nhân 09 (chín) tháng, Nguyễn Kim Phụng 09 (chín) tháng, Trần Thị Kiều Hoa 09 (chín) tháng, Văn Công Hùng 09 (chín) tháng.

** Sau khi xét xử sơ thẩm:*

- Các bị cáo Ngô Hồng N, Phan Thị Diễm N, Trần Thị Cẩm H, Ngô Văn D, Trần Thị Kim P, Võ Văn P, Võ Văn Thanh T, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Hoàng V, Lê Thị Quyền T, Dương Mỹ P kháng cáo xin giảm nhẹ và xin được hưởng án treo.

- Các bị cáo Nguyễn Thị Thu T, Phạm Thị Xuân Y, Trần Thị Cẩm T, Lê Thị Ly L có đơn kháng cáo xin được hưởng mức hình phạt phạt tiền.

- Ngày 06-07/4/2023, các bị cáo Đoàn Thị Hạ Vy, Nguyễn Thị Thu Hà có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đoàn Thị Hạ Vy, Nguyễn Thị Thu Hà có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo; Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành các Quyết định số 22/2023/HSPT-QĐ, 23/2023/HSPT-QĐ ngày 07/7/2023, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần hình phạt của các bị cáo Đoàn Thị Hạ Vy, Nguyễn Thị Thu Hà.

** Tại phiên tòa phúc thẩm,*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

Trong vụ án này, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về 02 tội danh nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo đúng quy định của pháp luật. Mức hình phạt đã tuyên phạt là tương xứng.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Quan điểm của Luật sư bào chữa:

+ Luật sư bào chữa cho các bị cáo Ngô Hồng N, Võ Văn P và Ngô Văn D phát biểu quan điểm tranh luận:

Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm, hoàn cảnh, nguyên nhân phạm tội là do đòi hỏi của công việc bắt buộc phải có chứng chỉ ngoại ngữ, điều này là bắt cập và không cần thiết đối với chuyên môn. Hình phạt đối với bị cáo Nam là không công bằng. Vì lý do đó, Thông tư liên tịch số 10 quy định về điều kiện nâng ngạch cũng đã được sửa đổi, bỏ điều kiện này. Từ đó hành vi của các bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo Nam có thành tích xuất sắc trong công tác.

Hai bị cáo Võ Văn P và Ngô Văn D phạm tội do thiếu hiểu biết và cũng vì nể tình các đồng nghiệp nên đã nhận làm giúp; bị cáo Dậy chỉ tham gia giúp sức làm 07 tài liệu, không thu lợi bất chính. Các bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của mình và khắc phục hậu quả.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giảm hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M phát biểu:

Hoàn cảnh phạm tội của bị cáo Minh mang tính bắt buộc và cũng để được nâng ngạch, thời gian yêu cầu nộp là quá gấp, vì vậy không thể đăng ký học kịp, nên bị cáo mới nhờ người làm giúp.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hành vi của bị cáo không gây thiệt hại, quá trình điều tra bị cáo đã tích cực phối hợp với cơ quan chức năng để giải quyết nhanh vụ án. Các bị cáo luôn có trách nhiệm cao trong công việc, đặc biệt là trong thời kỳ đại dịch Covid 19, các bị cáo đã quên mình phục vụ sức khỏe nhân dân và góp phần đẩy lùi dịch bệnh Covid 19. Bị cáo có nhiều thành tích trong công tác, được Sở Y tế và Tỉnh Đoàn **Bến T** khen tặng. Hiện nay bị cáo vẫn đang công tác tại Trung tâm Y tế huyện Châu Thành. Đề nghị xử bị cáo mức cải tạo không giam giữ để được tiếp tục làm việc.

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Thị Diễm N và bị cáo Lê Thị Quyền T phát biểu:

Các bị cáo có vai trò mờ nhạt, việc giúp sức chỉ mang tính giản đơn, mục đích cũng chỉ muốn hợp thức hóa hồ sơ. Tuy nhiên, trước khi xét xử sơ thẩm thì Bộ Y tế đã có thay đổi quy định, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá vấn đề này, theo đó chúng chỉ mà các bị cáo làm giả thì hiện nay không bắt buộc phải có. Như vậy, tính đến nay thì hành vi của các bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

Đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 để các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều thành khẩn thừa nhận các hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã nhận định. Từ đó cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về các tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341, “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Đánh giá về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo có yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2020, 49 người là viên chức đang công tác trong ngành y tế và giáo dục trên địa bàn tỉnh **Bến T**, đã có hành vi mua cho bản thân, cung cấp thông tin mua hộ chứng chỉ tiếng Anh, chứng chỉ tin học cho người khác để sử dụng nộp hồ sơ xét tuyển dụng viên chức, thăng hạng viên chức, bổ nhiệm chức vụ trái quy định của Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Bác sĩ, Bác sĩ y học dự phòng, Y sĩ; Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược, Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y tế, cụ thể:

[2.1] Bị cáo Ngô Hồng N:

Bị cáo Ngô Hồng N nhiều lần cung cấp thông tin để đặt mua 61 chứng chỉ tiếng Anh, chứng chỉ tin học giả cho tất cả các bị cáo trong vụ án này; thu lợi bất chính số tiền 9.700.000 đồng và sử dụng hết số tiền này vào mục đích cá nhân. Ngoài ra, vào năm 2019 và năm 2020, Ngô Hồng N đã có hành vi sử dụng Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả để nộp hồ sơ xét thăng hạng viên chức và nộp hồ sơ xét bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng Trạm Y tế Phường 8, thành phố **Bến T**

[2.2] Bị cáo Phan Thị Diễm N:

Bị cáo Phan Thị Diễm N đã có hành vi nhiều lần cung cấp thông tin để đặt mua 27 Chứng chỉ tiếng Anh, Chứng chỉ tin học giả cho 27 bị cáo trong vụ án này. Ngoài ra, vào năm 2019, bị cáo Phan Thị Diễm N đã có hành vi sử dụng Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả để nộp hồ sơ xét thăng hạng viên chức.

[2.3] Bị cáo Võ Văn P:

Bị cáo Võ Văn P đã có hành vi nhiều lần cung cấp thông tin để đặt mua 13 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả. Từ việc mua chứng chỉ giả cho người khác, bị cáo Phúc đã thu lợi bất chính số tiền 1.300.000 đồng và bị cáo đã sử dụng hết số tiền này vào mục đích cá nhân. Ngoài ra, vào năm 2019, bị cáo Võ Văn P đã có hành vi sử dụng Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả để nộp hồ sơ xét thăng hạng viên chức.

[2.4] Bị cáo Võ Văn Thanh T:

Bị cáo Võ Văn Thanh T đã có hành vi nhiều lần cung cấp thông tin để đặt mua 13 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả. Ngoài ra, vào năm 2019, bị cáo Võ Văn Thanh T đã có hành vi sử dụng Chứng chỉ tiếng Anh B giả nộp hồ sơ xét thăng hạng viên chức.

[2.5] Bị cáo Trần Thị Cẩm H:

Bị cáo Trần Thị Cẩm H đã có hành vi nhiều lần cung cấp thông tin để đặt mua 08 Chứng chỉ tiếng Anh giả cho nhiều người. Ngoài ra, vào năm 2019, bị cáo Trần Thị Cẩm H đã có hành vi sử dụng Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả nộp hồ sơ xét thăng hạng viên chức.

[2.6] Bị cáo Ngô Văn D:

Khoảng năm 2018-2019, bị cáo Ngô Văn D đã có hành vi nhiều lần cung cấp thông tin để đặt mua 07 Chứng chỉ tiếng Anh giả cho nhiều người. Ngoài ra, vào năm 2019, bị cáo Ngô Văn D đã có hành vi sử dụng Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả nộp hồ sơ thi thăng hạng viên chức.

[2.7] Bị cáo Trần Thị Kim P:

Trong khoảng năm 2018-2019, bị cáo Trần Thị Kim P đã có hành vi nhiều lần cung cấp thông tin để đặt mua 06 Chứng chỉ tiếng Anh giả. Bị cáo Phụng đã thu lợi bất chính số tiền 4.800.000 đồng và bị cáo đã sử dụng hết số tiền này vào mục đích cá nhân. Ngoài ra, vào năm 2019, bị cáo Trần Thị Kim P đã có hành vi sử dụng Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả nộp hồ sơ xét thăng hạng viên chức.

[2.8] Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M đã có hành vi 02 lần cung cấp thông tin để đặt mua 03 Chứng chỉ giả. Ngoài ra, bị cáo Minh có hành vi sử dụng Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả để nộp hồ sơ xét thăng hạng viên chức.

[2.9] Bị cáo Nguyễn Hoàng V: đã có hành vi 02 lần cung cấp thông tin để đặt mua 04 Chứng chỉ giả. Ngoài ra, bị cáo Vũ có hành vi sử dụng Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả để nộp hồ sơ xét thăng hạng viên chức.

[2.10] Bị cáo Lê Thị Quyền T:

Bị cáo Lê Thị Quyền T đã có hành vi cung cấp thông tin để đặt mua 03 Chứng chỉ tiếng Anh, Chứng chỉ tin học giả. Bị cáo Trang đã thu lợi bất chính số tiền 13.400.000 đồng và bị cáo đã sử dụng hết số tiền này vào mục đích cá nhân. Ngoài ra, vào năm 2019, bị cáo Lê Thị Quyền T đã có hành vi sử dụng Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả nộp hồ sơ xét tuyển dụng viên chức.

[2.11] Bị cáo Dương Mỹ P:

Bị cáo Dương Mỹ P đã có hành vi cung cấp thông tin để đặt mua 02 Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả. Ngoài ra, vào năm 2019, bị cáo Dương Mỹ P đã có hành vi sử dụng Chứng chỉ tiếng Anh B1 giả nộp hồ sơ xét tuyển dụng viên chức.

[2.12] Bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã có hành vi cung cấp thông tin để đặt mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh cho Nguyễn Thị Thanh Xoàn. Ngoài ra, bị cáo Thủy đã có hành vi sử dụng Chứng chỉ tiếng Anh B1 và Chứng chỉ tin học giả để nộp hồ sơ thi thăng hạng viên chức.

[2.13] Bị cáo Phạm Thị Xuân Y đã có hành vi cung cấp thông tin để đặt mua 02 Chứng chỉ tiếng Anh và Chứng chỉ tin học giả cho Văn Thị Thu.

[2.14] Bị cáo Trần Thị Cẩm T đã có hành vi cung cấp thông tin để đặt mua 01 Chứng chỉ tin học giả để nộp hồ sơ xét tuyển dụng công chức. Kết quả bị cáo được tuyển dụng viên chức vào Trung tâm Y tế huyện Bình Đại.

[2.15] Bị cáo Lê Thị Ly L đã có hành vi cung cấp thông tin để đặt mua 01 Chứng chỉ tiếng Anh để nộp thi thăng hạng viên chức.

Trong vụ án này, các bị cáo đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, nhận thức được hành vi cung cấp thông tin làm giả Chứng chỉ tiếng Anh, Chứng chỉ tin học và sử dụng các chứng chỉ giả đó là vi phạm pháp luật, nhưng do không có Chứng chỉ tiếng Anh, Chứng chỉ tin học theo quy định để

nộp hồ sơ xét tuyển dụng viên chức, thăng hạng viên chức, bổ nhiệm chức vụ mà thực hiện hành vi phạm tội; 49 bị cáo là viên chức đang công tác trong ngành y tế trên địa bàn tỉnh **Bến T** đã dùng tiền mua, mua hộ các Chứng chỉ tiếng Anh, Chứng chỉ tin học giả nhằm sử dụng trái quy định. Hành vi phạm tội của các bị cáo ở thời điểm phạm tội là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và lợi ích của cơ quan nhà nước, gây dư luận xấu trong nhân dân nên cần có mức hình phạt phù hợp nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Các bị cáo đều có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Ngô Hồng N, Phan Thị Diễm N, Trần Thị Cẩm H, Ngô Văn D, Trần Thị Kim P, Võ Văn P, Võ Văn Thanh T phạm vào tình tiết tăng nặng “*phạm tội nhiều lần*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo khác ngoài tình tiết định khung tăng nặng theo Điều 341 Bộ luật Hình sự thì không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Đồng thời, mỗi bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho mình như sau:

Bị cáo Ngô Hồng N: đã tự nguyện giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 9.700.000 đồng; tham gia tích cực trong công tác phòng, chống dịch Covid- 19 (có xác nhận của cơ quan đang công tác và Giấy khen của Sở Y tế tỉnh **Bến T**) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Phan Thị Diễm N: hiện tại đang mang thai, được tặng thưởng “Bằng khen” do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; đã tham gia tích cực trong công tác phòng, chống dịch Covid- 19 (có xác nhận của cơ quan đang công tác) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm n, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Võ Văn P: được tặng thưởng 03 Bằng khen và nhiều Giấy khen, là điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua của ngành Y tế tỉnh **Bến T** giai đoạn 2015-2020; có bà nội và cô ruột là người có công với đất nước; đã tự nguyện giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.300.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Võ Văn Thanh T: được tặng thưởng 01 Bằng khen do có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Trần Thị Cẩm H: có ông nội, ông ngoại, cậu ruột, dì ruột là Liệt sĩ, bà ngoại là Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; tham gia tích cực trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 (có xác nhận của cơ quan đang công tác) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Ngô Văn D: được tặng thưởng 01 Bằng khen do có thành tích thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; tham gia tích cực trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 (có xác nhận của cơ quan đang công tác); Mẹ bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Trần Thị Kim P: tham gia tích cực trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 (có xác nhận của cơ quan đang công tác), đã được cơ quan đang công tác và Sở Y tế trình cơ quan có thẩm quyền tặng Bằng khen, xét tặng Kỷ niệm chương; đã tự nguyện giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 4.800.000 đồng; cha của bị cáo là cán bộ hưu trí trong thời gian công tác được tặng thưởng Bằng khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M: bị cáo mang thai và hiện đang nuôi con nhỏ, được tặng thưởng 02 giấy khen, có cha ruột là bệnh binh, Bác ruột là Liệt sĩ, Cô ruột được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, anh ruột là Sĩ quan Quân đội được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì; bị cáo đã tham gia tích cực trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 (có xác nhận của cơ quan đang công tác) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Nguyễn Hoàng V: được tặng thưởng Bằng khen do có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; có Cha ruột được tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng III nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Lê Thị Quyền T: hiện bị cáo đang nuôi con nhỏ, có bà Nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Bác ruột và Cô ruột là Liệt sĩ; đã tự nguyện giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 13.400.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Dương Mỹ P: được tặng thưởng Bằng khen do có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và 01 Giấy khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu T: được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen, điển hình tiên tiến trong ngành y tế nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Thị Xuân Y: được tặng thưởng 03 Giấy khen do đạt thành tích Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tham gia tích cực trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Thị Ly L: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tặng thưởng 01 Bằng khen và 02 Giấy khen, 01 giấy biểu dương do có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về đánh giá tính chất, mức độ tham gia thực hiện tội phạm trong vụ án của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức*” mang tính chất đồng phạm giản đơn với vai trò là người giúp sức. Các

bị cáo chỉ cung cấp thông tin cho Dương Hữu Hưng và Dương Văn Lạng là người trực tiếp làm giả tài liệu để bán.

Qua xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

[4.1]. Trong vụ án này, hành vi làm giả tài liệu và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của bị cáo Ngô Hồng N phạm 02 tội thuộc trường hợp nghiêm trọng; hành vi của bị cáo Phan Thị Diễm N, Võ Văn P, Võ Văn Thanh T, Trần Thị Cẩm H, Ngô Văn D, Trần Thị Kim P, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Hoàng V, Lê Thị Quyền T, Dương Mỹ P phạm 02 tội trong đó có 01 tội thuộc loại tội phạm nghiêm trọng.

Trong đó, mặc dù vai trò của bị cáo Ngô Hồng N thuộc trường hợp đồng phạm với hành vi phạm tội với các đối tượng Dương Hữu Hưng và Dương Văn Lạng về việc làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức, tuy nhiên trong trường hợp này, bị cáo được xác định là người có vai trò cao nhất, đồng thời cũng chính bị cáo là người đã đưa tất cả các bị cáo còn lại vào con đường phạm tội. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo này về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

[4.2]. Đối với các bị cáo còn lại, Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá dựa trên cơ sở số lượng tài liệu giả mà các bị cáo này đã thực hiện, cụ thể:

+ Các bị cáo Phan Thị Diễm N, bị cáo Võ Văn P và Võ Văn Thanh T là những người đã tham gia hành vi làm giả tài liệu với số lượng rất nhiều, cụ thể: bị cáo Nghi là 27 tài liệu, 02 bị cáo Võ Văn P và Võ Văn Thanh T tham gia hành vi làm giả mỗi bị cáo là 13 tài liệu. Chính vì vậy, mức hình phạt tù có thời hạn mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với những bị cáo này là phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ của tội phạm.

+ Đối với bị cáo Trần Thị Cẩm H thấy rằng: Trong vụ án này, bị cáo tham gia hành vi làm giả tài liệu với vai trò đồng phạm, số lượng tài liệu giả là 08 (tám) tài liệu, thấp hơn số tài liệu làm giả của các bị cáo Võ Văn P, Võ Văn Thanh T (mỗi bị cáo này làm giả 13 tài liệu). Bị cáo Hường không hưởng lợi từ việc làm giả tài liệu. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt 02 bị cáo Võ Văn P và bị cáo Võ Văn Thanh T mỗi bị cáo mức hình phạt 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, bị cáo Trần Thị Cẩm H mức hình phạt 03 (ba) năm tù cùng về tội danh này là đánh giá không đúng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và không công bằng đối với bị cáo này. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và đánh giá lại cho phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo này.

Và đặc biệt, sau khi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã nhận được các Công văn số 1043/SYT-Ttra ngày 06/04/2023; Công văn số 4183/SYT-Ttra ngày 14/12/2023 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh **Bến T** và Công văn số 1280/TTYT-TCHC ngày 11/12/2023 của Trung tâm Y tế Thành phố **Bến T**. Theo đó, thứ nhất các Công văn này đều thể hiện: Trước đây, tại Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Y tế bắt buộc phải có chứng chỉ tùy vị trí chức danh. Tuy nhiên, do sau đó xét thấy quy định này không còn phù hợp với thực tiễn công tác cán bộ Y tế,

không phải bất cứ chức danh nào cũng phải cần tới trình độ ngoại ngữ, tại Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV, trong đó đã bãi bỏ quy định tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo 06 bậc khung Châu Âu mà chỉ cần tiêu chí “*sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc*”.

Đồng thời, các Công văn này đều nêu rõ: Tất cả các bị cáo trong quá trình công tác đã cống hiến rất nhiều cho ngành Y tế địa phương. Tất cả các bị cáo đều tâm huyết với nghề, tận tụy phục vụ tốt chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Trong suốt thời gian khởi tố vụ án, tất cả các bị cáo vẫn luôn nhiệt huyết trong công tác và đặc biệt trong thời gian xảy ra đại dịch Covid 19 các bị cáo vẫn cố gắng xông pha vào tuyến đầu chống dịch. Đồng thời hiện nay, nguồn nhân lực tại đơn vị không đủ để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Có nhiều bị cáo được đào tạo bài bản, có chuyên môn giỏi và giàu kinh nghiệm....

Từ đó, Sở Y tế tỉnh **Bến T** và Trung tâm Y tế Thành phố **Bến T** đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho các bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện tiếp tục công tác và cống hiến.

Đối với quan điểm của Sở Y tế tỉnh **Bến T** và Trung tâm Y tế Thành phố **Bến T**, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xem xét Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế đã cho thấy quan điểm của Sở Y tế tỉnh **Bến T** là có căn cứ. Điều này cho thấy, do có sự chuyển biến về quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế, vì vậy tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội trong vụ án này đã được giảm đáng kể.

Tuy nhiên, việc xem xét, đánh giá để cho các bị cáo được hưởng án treo cần phải tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, cũng như các điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Theo đó, việc xem xét cho hưởng án treo cần phải được căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, căn cứ vào số lượng tài liệu mà các bị cáo đã tham gia làm giả, nhân thân người phạm tội (như đã nêu ở phần trên)...cụ thể là các bị cáo có vai trò đồng phạm, không đáng kể gồm: Trần Thị Cẩm H (08 tài liệu), bị cáo Ngô Văn D (07 tài liệu), bị cáo Trần Thị Kim P (06 tài liệu), bị cáo Nguyễn Hoàng V (04 tài liệu), bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M và bị cáo Lê Thị Quyền T (mỗi bị cáo 03 tài liệu), bị cáo Dương Mỹ P (02 tài liệu).

[4.3]. Riêng đối với các bị cáo Phạm Thị Xuân Y, Nguyễn Thị Thu T, Trần Thị Cẩm T, Lê Thị Ly L Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt hình phạt án treo và cải tạo không giam giữ, nay tiếp tục kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng mức hình phạt tiền là không phù hợp, nên không được chấp nhận.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6]. Quan điểm của các Luật sư là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy các bị cáo Ngô Hồng N, Phan Thị Diễm N, Võ Văn P, Võ Văn Thanh T, Nguyễn Thị Thu T, Phạm Thị Xuân Y, Trần Thị Cẩm T và Lê Thị Ly L mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Trần Thị Cẩm H, Ngô Văn D, Trần Thị Kim P, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Hoàng V, Lê Thị Quyền T và Dương Mỹ P không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm đ, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Ngô Hồng N, Phan Thị Diễm N, Võ Văn P, Võ Văn Thanh T, Nguyễn Thị Thu T, Phạm Thị Xuân Y, Trần Thị Cẩm T và Lê Thị Ly L.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Cẩm H, Ngô Văn D, Trần Thị Kim P, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Hoàng V, Lê Thị Quyền T và Dương Mỹ P.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 12/2023/HS-ST ngày 23/03/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh **Bến T** về hình phạt.

1. Tuyên bố các bị cáo Ngô Hồng N, Phan Thị Diễm N, Võ Văn P, Võ Văn Thanh T, Trần Thị Cẩm H, Ngô Văn D, Trần Thị Kim P, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Hoàng V, Lê Thị Quyền T, Dương Mỹ P, Nguyễn Thị Thu T phạm “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; bị cáo Phạm Thị Xuân Y phạm “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; Các bị cáo Lê Thị Ly L, Trần Thị Cẩm T phạm “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

1.1 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Ngô Hồng N 03 (ba) năm 03 (ba) tháng** tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Ngô Hồng N 02 (hai) năm** tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Ngô Hồng N** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **5 (năm) năm 03 (ba) tháng** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 35; khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo **Ngô Hồng N 10.000.000 (mười triệu) đồng**, để nộp vào ngân sách nhà nước.

1.2 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm n, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Phan Thị Diễm N 03 (ba)** năm tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm n, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Phan Thị Diễm N 06 (sáu)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Phan Thị Diễm N** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **3 (ba)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.3 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Võ Văn P 01 (một)** năm **09 (chín)** tháng tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Võ Văn P 03 (ba)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Võ Văn P** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **02 (hai)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 35; khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo **Võ Văn P 5.000.000** (năm triệu) đồng, để nộp vào ngân sách nhà nước.

1.4 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Võ Văn Thanh T 01 (một)** năm **09 (chín)** tháng tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Võ Văn Thanh T 03 (ba)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Võ Văn Thanh T** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **02 (hai)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.5 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Trần Thị Cẩm H 01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Trần Thị Cẩm H 06 (sáu)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Trần Thị Cẩm H** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **02 (hai)** năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **04 (bốn)** năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh **Bến T** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

1.6 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Ngô Văn D 01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Ngô Văn D 03 (ba)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Ngô Văn D** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Nhơn Thạnh, thành phố **Bến T**, tỉnh **Bến T** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

1.7 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Trần Thị Kim P 01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Trần Thị Kim P 03 (ba)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Trần Thị Kim P** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường An Hội, thành phố **Bến T**, tỉnh **Bến T** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 35; khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo **Trần Thị Kim P** 5.000.000 (năm triệu) đồng, để nộp vào ngân sách nhà nước.

1.8 Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Tuyết M 09 (chín) tháng tù** về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Tuyết M 03 (ba) tháng tù** về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Nguyễn Thị Tuyết M** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **01 (một) năm tù**. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Bình Phú, thành phố **Bến T**, tỉnh **Bến T** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

1.9 Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng V 01 (một) năm tù** về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng V 03 (ba)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Nguyễn Hoàng V** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã An Thuận, huyện Thanh Phú, tỉnh **Bến T** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

1.10 Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Lê Thị Quyền T 02 (hai)** năm tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Lê Thị Quyền T 06 (sáu)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Lê Thị Quyền T** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh **Bến T** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 35; khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo **Lê Thị Quyền T** 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, để nộp vào ngân sách nhà nước.

1.11 Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Dương Mỹ P 09 (chín)** tháng tù về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Dương Mỹ P 03 (ba)** tháng tù về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Dương Mỹ P** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **01 (một)** năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh **Bến T** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

1.12 Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu T 01 (một)** năm cải tạo không giam giữ về “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu T 06 (sáu)** tháng cải tạo không giam giữ về “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Nguyễn Thị Thu T** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Sơn Đông, thành phố **Bến T**, tỉnh **Bến T** giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

1.13. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Xuân Y 02 (hai)** năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; Thời gian thử thách là **04 (bốn)** năm tù kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố **Bến T**, tỉnh **Bến T** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

1.14. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Lê Thị Ly L 09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; Thời hạn tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng, thành phố **Bến T**, tỉnh **Bến T** giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

1.15. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Trần Thị Cẩm T 09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; Thời hạn tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, tỉnh **Bến T** giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

2. Về án phí: Các bị cáo Ngô Hồng N, Phan Thị Diễm N, Võ Văn P, Võ Văn Thanh T, Nguyễn Thị Thu T, Phạm Thị Xuân Y, Trần Thị Cẩm T và Lê Thị Ly L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh **Bến T**;
- VKSND tỉnh **Bến T**;
- Cục THADS tỉnh **Bến T**;
- Công an tỉnh **Bến T**;
- Sở Tư pháp tỉnh **Bến T**;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VP, 42bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười